

(24) Chương hai: SÁCH GIÔ-ÊN, SÁCH Ô-VA-ĐI-A (*)

Elias D. Mallon

SÁCH GIÔ-ÊN

Tài liệu Tham khảo

- Allen, L. D., *The Books of Joel, Obadiah and Micah* [Các Sách Giô-ên, Ô-va-đi-a và Mi-kha (NICOT; GR, 1976).
- Ahlstrom, G. W., *Joel and the Temple Cult* [Giô-ên và Việc Phụng tự Đền thờ] (VTSup 21; Leiden, 1971).
- Bourke, J., "Lejour de Yahvé dans Joel, [ngày của Gia-vê trong Giô-ên]" *RB* 66 (1959) 191-212.
- Deissler, A., *Zwoif Propheten Hosea, Joel, Amos* [Các tiên tri Hô-sê, Giô-ên, A-môt] (NEchtB; Wilrzburg, 1981).
- Myers, J. M., "Some Considerations Bearing on the Date of Joel [Một số cân nhắc liên quan đến Niên đại của Giô-ên]," *ZAW* 74 (1962) 177-95.
- Prinsloo, W. S., *The Theology of the Book of Joel* [Thần học của Sách Giô-ên] (BZAW 163; Berlin, 1985).
- Rudolph, W., *Joel, Amos, Obadja, Jona* [Giô-ên, A-môt, Ô-va-đi-a, Giô-na] (KAT 13/2; Gütersloh, 1971).
- Thompson, J. A., "The Date of Joel," *Old Testament Studies* [Niên đại của Giô-ên, Nghiên cứu Cựu Ước] (Fest. J. M. Myers; biên tập. H. N. Bream, et al.; Phi, 1974);
- "Joel's Locusts in the Light of Near Eastern Parallels [Những con cào cào của Giô-ên dưới ánh sáng các song hành ở Cận Đông]," *JNES* 14 (1955) 52-55.
- Weiser, A., *Die Propheten Hosea, Joel, Amos, Obadja, Micha* [Các tiên tri Hô-sê, Giô-ên, A-môt, Ô-va-đi-a, Mi-kha] (ATD 24; Göttingen, 1979).
- Wolff, H. W., *Joel and Amos* (Giô-ên và A-môt] (Herm; Phi, 1977).

Dẫn nhập

(I). Tác giả. Phần đầu đề ghi rõ tác giả của cuốn sách là Giô-ên con Pơ-thu-ên (Pethuel). Tên *yô'el* có nghĩa là "Yô (một dạng rút gọn của Gia-vê) là Chúa." Mặc dù một trong những người con trai của Đa-vít có tên là Giô-ên (1 Sm 8:2), nhưng cái tên này xuất hiện thường xuyên nhất trong các sách Sử Biên sau này. Một dạng phương ngữ của tên đệm của Giô-ên có thể xuất hiện trong Sáng thế 22:23; 24: 15,24,47; 1 Sử biên 4:30. Tuy nhiên, tác giả của cuốn sách không được đề cập ở bất cứ nơi nào khác trong Cựu Ước. Không giống như trường hợp của những tên như Ma-la-khi và Cô-he-lét, không cần phải coi cái tên này là bất cứ điều gì khác ngoài một cái tên bản thân thực sự.

Như đặc trưng trong hầu hết các sách Kinh thánh, không có thông tin tiểu sử nào được đưa ra về tác giả. Tuy nhiên, bản văn cho thấy rõ ràng rằng Giô-ên rất trân trọng việc thờ phượng được thực hiện trong Đền thờ (1:8-9; 2:27; 4: 16-17). Cuốn sách chứa các thuật ngữ tôn giáo như lễ vật chay và lễ rượu (*minhâ, nesek*), ăn chay và hội họp long trọng (1:14; 2:12, 15). Nhân viên Đền thờ như các tư tế (1:9, 13; 2:17), các thừa tác viên của Gia-vê (1:9; 2:17), các thừa tác viên của bàn thờ (1:13), và "các thừa tác viên của Thiên Chúa tôi" (1:13) xuất hiện. Sự đánh giá cao về việc phụng tự và việc sử dụng các thuật ngữ phụng tự đã khiến một số người tin rằng Giô-ên là một tiên tri phụng tự (xem A. R. Johnson, *The Cultic Prophet* [tiên tri phụng tự][Cardiff, 1962] 74-75; J. Lindblom, *Prophecy in Ancient Israel* [lời tiên tri trong Israel cổ thời][Phl, 1962] 277; và J. Chary, *Les prophètes et le culte* [các tiên tri và việc phụng tự] [Paris, 1955] 211 n. 4). Có lẽ điều này có tính diễn dịch nhiều hơn những gì bản văn có thể mang theo. Điều không hề chắc chắn là các nhà tiên tri phụng tự đã từng hiện hữu (xem de Vaux, *AI* 384-85), và việc đánh giá cao việc phụng tự không nhất thiết biến một người thành một chức sắc phụng tự.

(II) Niên đại. Giô-ên là một trong sáu cuốn sách thuộc "Mười hai nhà tiên tri" (Các nhà tiên tri nhỏ) không có sự đồng bộ trong phần đề từ (epigraph). Niên đại của cuốn sách phải được

diễn dịch từ các tiêu chuẩn trong chính bản văn. Có lẽ có sự khác biệt lớn hơn về mặt học thuật liên quan đến niên đại của Giô-ên so với niên đại của bất cứ cuốn sách Kinh thánh nào khác. Một quan điểm thiểu số sẽ đặt Giô-ên vào thời trị vì của Giô-át (Joash) (837-800) (xem M. Bic, *Das Buch Joel* [sách Giô-ên][Berlin, 1960]). Phần lớn các học giả đặt cuốn sách vào thời kỳ hậu lưu đầy, mặc dù có sự khác biệt đáng kể về việc liệu bối cảnh sớm hay muộn phù hợp nhất với cuốn sách. Các lý do bên trong vực niên đại hậu lưu đầy là có tính thuyết phục. Không có chỗ nào trong sách Giô-ên đề cập đến một vị vua hay triều đình. Điều này bất chấp sự kiện mọi tầng lớp người dân từ các tư tể đến các trưởng thượng, từ trẻ sơ sinh đến cô dâu đều được mời than khóc trong 2:16-17. Trong thời kỳ khẩn cấp, chính nhà vua là người đại diện cho dân chúng trước mặt Thiên Chúa (2 Sa-mu-ên 21:1; 2 Các Vua 6:30). Giô-ên hẳn đã được viết vào thời điểm chế độ quân chủ không còn hiện hữu nữa. Người dân và những người cai trị của Đế quốc Tân Babylon cũng không bao giờ được đề cập đến, mặc dù chính họ đã khiến vương quốc của Đa-vít sụp đổ và phá hủy Đền thờ vào năm 587. Do đó, chúng ta cho rằng họ đã bị người Ba Tư chinh phục (năm 539) vào thời điểm sách Giô-ên được viết ra. Vì Đền thờ đóng vai trò quan trọng trong sách, Giô-ên hẳn đã được viết sau năm 515 khi Đền thờ được xây dựng lại. Với năm 515, chúng ta có *terminus post quem* [một niên đại sớm nhất] có thể cho Giô-ên. Vì Tyre và Sidon vẫn hiện hữu như những thành phố phải chịu hình phạt (4:4), chúng ta có thể đặt ra một *terminus ante quem* [niên đại trễ nhất] trong hậu bán thế kỷ thứ 4. Tyre bị Alexander Đại đế phá hủy vào năm 332 và Sidon bị Át-tác-sát-ta III Ochus phá hủy vào năm 343. Độ chính xác cao hơn liên quan đến nhiều suy đoán hơn. Wolff thấy một việc nhắc đến các bức tường của Giêrusalem trong 2:7,9. Vì những bức tường này được Nơ-khe-mi-a xây dựng lại vào năm 445, Wolff coi ngày này là niên đại sớm nhất cho cuốn sách. Mặc dù có khả năng là một ngày sau thời Nơ-khe-mi-a, nhưng không thể suy ra từ Giô-ên 2:7,9 vì hai lý do: thứ nhất, có khả năng là đã có ít nhất một bức tường một phần xung quanh Giêrusalem trước thời Nơ-khe-mi-a (Ahlstrom, *Joel* 115); và thứ hai, không có dấu hiệu nào cho thấy 2:7,9 có ý định nhắc đến theo nghĩa đen các bức tường của Giêrusalem. Nếu sách này được định ngày sau thời Nơ-khe-mi-a, thì đó là vì các cải cách tôn giáo của Er-Nkm dường như đã diễn ra vào thời điểm Giô-ên được viết ra. Điều này được chỉ ra bởi sự kiện này là Giô-ên không đề cập đến bất cứ sự lạm dụng phụng tự nào. Ngoài mối quan tâm về phụng tự của Giô-ên, giọng điệu chống đối người nước ngoài của ông gợi nhớ đến thời Er-Nkm và sau đó.

Ngoài ra còn có những điểm tiếp xúc giữa Giô-ên và các tác phẩm tiên tri sau thời kỳ lưu đầy. Giô-ên 2:11 tương tự như Ma-la-khi 3:2, mặc dù sự giống nhau không đáng kể. Giô-ên 3:4b giống hệt với Ma-la-khi 3:23b và Giô-ên 3: Sb 3:5 bở rất có thể là trích dẫn từ Ô-va-đi-a 17a α (xin lỗi Rudolph. Giô-ên 73 n. 16). Người ta cũng có thể so sánh Giô-ên 4:2-3 với Ô-va-đi-a 11 và Giô-ên 4:19 với Ô-va-đi-a 10. Tất cả những điều này chỉ ra rằng Giô-ên hẳn đã được viết sau Ô-va-đi-a và Ma-la-khi (thế kỷ thứ 5). Tóm lại, chúng ta có thể nói rằng rõ ràng là sách này được viết sau khi Đền thờ được xây dựng lại vào năm 515 và trước khi Si-đôn bị phá hủy vào năm 343, và sau thời của Ô-va-đi-a và Ma-la-khi. Một ngày tháng nằm giữa hậu bán thế kỷ thứ 5 và tiền bán thế kỷ thứ 4 có vẻ phù hợp nhất với bối cảnh.

(III) Sự thống nhất, Cấu trúc và Mục đích. Như hầu hết mọi bình luận đều nhận thấy, cuốn sách dễ dàng được chia thành hai phần lớn. Phần đầu tiên (chương 1-2), được các học giả chia theo những cách khác nhau, đề cập đến nạn châu chấu và hạn hán. Phần thứ hai (chương 3-4) thường được gọi là "cánh chung". Một số học giả cho rằng sự khác biệt giữa hai phần này đạt đến mức đòi có hơn một tác giả (B. Duhm, *ZAW* 31 [1911] 1-43, 184-88;]. A. Bewer,

Obadiah and Joel [I CC; Edinburgh, 1911] 56). Các học giả khác đặt câu hỏi về mối quan hệ giữa các phần khác nhau của sách. Wolff (*Joel* 6) cho rằng nạn châu chấu không tạo thành chủ đề của chương 2, mặc dù cả hai đều tạo thành một lời tiên tri bắt nguồn từ thời đại của riêng nó. Các chương 3-4 là một "thông điệp thuần túy cánh chung" (trang 7). J. Lindblom (*Prophecy* 277) coi các chương 3-4 như những lời tiên tri thuần túy có tính cánh chung "không liên quan trực tiếp đến những điều đã nói ở trên" nhưng vẫn được Giô-ên viết ra.

Một cuộc kiểm tra kỹ lưỡng hơn về bản văn sẽ loại bỏ nhu cầu phân chia triệt để như vậy. Mặc dù 4:4-8 thường được chấp nhận là một sự bổ sung, nhưng cuốn sách phát triển chủ đề của nó theo cách cho thấy rằng đây là một đơn vị thần học và nghệ thuật. Wolff (*Joel* 8) đã chứng tỏ rằng nhiều từ khóa và nhóm từ của chương 1-2 được lặp lại trong chương 3-4 và do đó đã chỉ ra sự thống nhất ngữ nghĩa mạnh mẽ trong bản văn.

Tuy nhiên, về mặt văn phong và chủ đề, cuốn sách được coi một cách rõ ràng nhất như một thể thống nhất. Bắt đầu bằng nạn châu chấu và hạn hán, Giô-ên phát triển chủ đề về sự đảo ngược vận mệnh. Các chương 1-2 đề cập đến cuộc khủng hoảng trực tiếp của nạn châu chấu và hạn hán; chương 1 trình bày những tác động mà châu chấu gây ra cho vùng nông thôn và mùa màng. Điều này có tác động trực tiếp đến việc thờ phượng trong Đền thờ. Những người bị ảnh hưởng ngay lập tức, thợ gặt, nông dân và nhân viên phụng tự- được kêu gọi than khóc. Trong chương 2, Giô-ên sử dụng phép ẩn dụ đội quân để mô tả tác động của châu chấu đối với thành phố. Sử dụng cặp từ phản nghĩa nhau (merism) thành thị-nông thôn, Giô-ên nhấn mạnh toàn bộ sự hủy diệt. Bây giờ mọi người được kêu gọi than khóc. Sử dụng phép ẩn dụ và phép cường điệu của Ngày của Gia-vê, Giô-ên kịch tính hóa mức độ của thảm họa.

Hầu hết các "nhà bình luận đều coi 2:18 là điểm then chốt trong sách. Israel đã đạt đến điểm tận cùng của sự khốn khổ; toàn thể dân chúng đang than khóc. Tuy nhiên, Gia-vê đã thương xót và dịch bệnh cùng hạn hán đã được giải quyết. Hành động nhân từ của Gia-vê có tác dụng kép. Israel nhận ra rằng Gia-vê đang ở giữa họ (2:27). Việc giải thoát khỏi dịch bệnh chuyên biệt này khởi đầu cho một "sự đảo ngược vận mệnh" rộng lớn hơn nhiều (4:1). Chương 3 mô tả những tác động tức thời của sự hiện diện của Gia-vê ở Israel. Hình ảnh vũ trụ của Ngày của Gia-vê một lần nữa được sử dụng. Ngày này có thể hoạt động như một hình ảnh cho sự hủy diệt hoặc sự minh oan của Israel. Trong sách Giô-ên, nó thực hiện cả hai, thường sử dụng cùng một từ vựng. Trong các chương 1-2, sự tàn phá lớn đến mức được mô tả như một ngày hủy diệt với sự tối tăm của mặt trời, mặt trăng, v.v. (2:10). Tuy nhiên, với việc nhìn nhận sự hiện diện của Gia-vê và sự đảo ngược vận mệnh, có một sự đảo ngược hình ảnh. Nay ngày là ngày minh oan cho Israel và phán xét các quốc gia, cũng với các hiện tượng thiên văn đi kèm (3:4). Sự cứu trợ khỏi hạn hán và nạn châu chấu dẫn đến việc Israel nhận ra rằng Gia-vê đang ở giữa họ (2:27). Sự đảo ngược hoàn toàn vận mệnh trong đó Israel được phục hồi và các quốc gia bị phán xét cũng dẫn đến việc Israel nhận ra sự hiện diện cứu rỗi của Gia-vê (4:17).

Về mặt thần học, thông điệp này là một trong những hy vọng được xây dựng dựa trên kinh nghiệm. Sự tàn phá mà châu chấu và hạn hán gây ra cho Israel là vô cùng to lớn. Tuy nhiên, nếu Gia-vê đáp lại lời than thở chân thành của Israel và loại bỏ thảm họa đặc thù này, thì đó là dấu hiệu cho thấy Gia-vê đã không từ bỏ dân của Người; Thiên Chúa vẫn ở giữa họ. Được trang bị niềm tin đó, họ có mọi lý do để hy vọng rằng sự đảo ngược vận mệnh do nạn châu chấu và hạn hán gây ra sẽ tiếp tục và mang lại sự minh oan cuối cùng cho Israel. Mặc dù rõ ràng là Giô-ên đã sử dụng rất nhiều tài liệu đã có trước đó, nhưng tài liệu này đã được biên soạn lại hoàn toàn và cuốn sách này trình bày sự thống nhất về văn phong và thần học.

SÁCH Ô-VA-ĐI-A

Tài liệu Tham khảo

- Allen, L. D., *The Books of Joel, Obadiah and Micah* [Các Sách Giô-ên, Ô-va-đi-a và Mi-kha] (NICOT; GR, 1976).
- Deissler, A., *Zwölf Propheten II Obadja, Jona, Micha, Nahum, Habakuk* [Mười hai nhà tiên tri Ô-ba-đi-a, Giô-na, Mi-kha, Na-khum, Kha-ba-cúc] (NEchtB; Wilrzburg, 1984).
- Fohrer, G., "Die Sprüche Obadjas," *Studien zu alttestamentlichen Texten und Themen* ["Những lời nói của Ô-va-đi-a," Nghiên cứu về các văn bản và chủ đề Cựu Ước] (1966-1972) (BZAW 155; Giessen, 1981) 69-81.
- McCarter, P. K., "Obadiah 7 and the Fall of Edom [Ô-va-đi-a 7 và sự sụp đổ của Ê-đom]," *BASOR* 221 (1977) 484-87.
- Myers, J. M *Near Eastern Studies* [Nghiên cứu Cận Đông] (Fest. Albright; Baltimore, 1971) 377-92.
- Rudolph, W., *Joel, Amos, Obadja, Jona* (KAT 13/2; Giltersloh, 1971).
- Watts, J. D. W., *Obadiah* (GR, 1969).
- Weiser, A., *Die Propheten Hosea, Joel, Amos, Obadja, Jona, Micha* (ATD 24; Göttingen, 1979).

Dẫn Nhập

(I).Bối cảnh và Niên đại. Kinh thánh tiếng Do Thái công nhận mối quan hệ họ hàng giữa Ê-đom và Giu-đa, lần theo dòng máu đến Ê-sau và Gia-cóp (Sáng thế 25: 19-26). Mối quan hệ giữa hai dân tộc như sấm ngôn trong Sáng thế 25:23 gợi ý - khó có thể là anh em. Trong cuộc xuất hành, Ê-đom đã từ chối cho dân Israel đi qua (Dân số 20: 14-21). Mặc dù Israel đã được chỉ thị rõ ràng là không được tấn công Ê-đom hoặc sáp nhập đất Ê-đom ở Đệ nhị luật 2:2-8, Đa-vít đã biến Ê-đom thành một phần của đế chế của mình (2 Sm 8:13 [với Bản Bảy Mươi] và 1 Sử biên 18:12-13). Giô-áp (Joab), tướng của Đa-vít, tham gia vào một chiến dịch diệt chủng chống lại Ê-đom (1 Các Vua 11:15-16) nhưng Ha-đát (Hadad), một thành viên của hoàng tộc Ê-đom, đã trốn thoát để trở về sau này và nổi loạn chống lại sự cai trị của Salômôn (1 Các Vua 11:25b [với Bản Bảy Mươi]). Trong thời kỳ chế độ quân chủ, Giu-đa và Ê-đom dường như luôn xung đột với nhau, đôi khi Ê-đom được tự do, đôi khi lại chịu sự thống trị của Giu-đa. Giô-hô-xa-phát (Jehoshaphat) dường như đã kiểm soát được Ê-đom và thành phố cảng trên Vịnh Aqabah (1 Các Vua 22:49). Quyền kiểm soát này đã bị mất ở thế hệ tiếp theo khi Ê-đom nổi loạn chống lại Giô-hô-ram (Jehoram) (2 Các Vua 8:20-22). Trong thế kỷ thứ 8, Ê-đom nằm dưới sự kiểm soát của A-ma-xia (2 Các Vua 14:7) và U-xi-a (2 Các Vua 14:22).

Trong những ngày cuối cùng của Giu-đa, Ê-đom đã tham gia vào một âm mưu chống lại Đế quốc Tân-Babylon. Giê-rê-mi-a 27 phản ánh một nỗ lực liên minh giữa Giu-đa, Ê-đom, Mô-áp, Am-mon, Tyre và Sidon chống lại Babylon. Kết quả rất thảm khốc. Giêrusalem và Giu-đa đã bị phá hủy. Josephus đề cập đến sự khuất phục của Am-mon và Mô-áp (*Ant.* 10.9.7 §181-82) nhưng không đề cập đến cuộc tấn công vào Ê-đom. Ai Ca 4:21-22 chỉ trích Ê-đom vì tội lỗi và tội ác của nó trong khi 1 Er 4:45 cáo buộc Ê-đom đốt Đền thờ. Mặc dù không chắc chắn việc Ê-đom đã tích cực tham gia vào việc phá hủy Giêrusalem, nhưng sự phản bội của nó sau đó đã khiến Giu-đa cay đắng và là ký ức đắng sau sấm ngôn của Ô-va-đi-a và Thánh vịnh 137:7.

Sự phá hủy Giêrusalem vào năm 587 có thể được coi như kết thúc sớm nhất cho cuốn sách. Cuộc chinh phục lãnh thổ Ê-đom của người Na-ba-tê-a (Nabatean), được hoàn thành ít nhất là vào năm 312 (xem Diodorus Siculus 2.48; 19:94-98; Mal 1:2-5; Neh 2:19; 6:1ff.), là điểm kết thúc trễ nhất. Tuy nhiên, ngay từ thế kỷ thứ 5, Ê-đom đã bị trục xuất khỏi vùng đất bên kia sông Giôc-đan. Vào thời kỳ này, sấm ngôn chính của Ô-va-đi-a có lẽ đã được viết ra. Một giai đoạn muộn hơn một chút được phản ánh trong các câu 15a,16-21.

(*)*The New Jerome Biblical Commentary, Student Edition* các tr.399-400,404